TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA HƯNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 04 - 10 - 2019.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Chủng.
Các hội thẩm nhân dân: - Ông Đào Văn Rạng.
- Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ T Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa: Ông Hà Viết Chinh-KSV.

Ngày 04/10/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/8/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 37/QĐST - HNGĐ ngày 17/9/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N – Sinh năm 1996.
Địa chỉ: Xóm xx, xã N, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T – Sinh năm 1993.
Địa chỉ: Xóm 14, xã N, huyện H, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị N vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 19/3/2019 cũng như lời khai chị Trần Thị N tại phiên tòa thể hiện: Chị kết hôn với anh Trần Văn T vào tháng 6/2014 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh T thường xuyên rượu chè, cờ bạc và chửi bới đánh đập vợ con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù đã được chị và gia đình động viên khuyên bảo nhưng anh T vẫn không

thay đổi. Đến tháng 10/2015 thì vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị Trần Thị N trình bày giữa chị và anh T có một con chung là cháu Trần Danh Tg, sinh ngày 15/8/2015, kể từ khi vợ chồng ly thân con chung hiện đang do chị N chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị N xin nhận trực tiếp nuôi cháu Trần Danh Tg và không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung của vợ chồng chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí chị N đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay anh Trần Văn T không có mặt. Lời khai của ông Trần Văn Th (là bố đẻ của anh Trần Văn T) tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Trong thời gian vừa qua gia đình có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh T, do anh T không có mặt để nhận trực tiếp nên gia đình đã nhận thay và đã thông báo cho anh T đầy đủ. Do anh T phải đi làm không thể lên tòa để làm việc được anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh và anh có nhờ gia đình ý kiến với Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị N xin ly hôn anh T, anh T không nhất trí ly hôn vì gia đình công giáo, con còn nhỏ, anh mong chị N suy nghĩ lại về đoàn tụ với gia đình.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có một con chung là Trần Danh Tg, sinh ngày 15/8/2015, kể từ khi vợ chồng ly thân con chung hiện đang do chị N chăm sóc nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn theo nguyện vọng của chị N thì anh để chị N nuôi cháu Tg anh anh không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Về tài sản chung anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Trần Văn T; Về con chung: Giao cháu Trần Danh Tg, sinh ngày 15/8/2015 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị N. Về án phí: đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị N và anh Trần Văn T đều cư trú tại huyện Nghĩa Hưng. Nay chị Trần Thị N xin ly hôn anh Trần Văn T thì Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn T là phù hợp với khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Trần Văn T vào tháng 6 năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Phú là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh T ham chơi và chửi bới đánh đập vợ con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 10/2015 thì vợ chồng chị N anh T sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết vợ chồng chị được ly hôn.

Về phía anh Trần Văn T không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị N vì gia đình công giáo, con còn nhỏ, anh mong chị N suy nghĩ lại về đoàn tụ với gia đình.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị N và anh Trần Văn T phát sinh, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2015 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên có cơ hội đoàn tụ nhưng đến nay tình cảm vợ chồng chị N và anh T vẫn không được cải thiện, vợ chồng chị N anh T vẫn sống ly thân mỗi người một nơi. Do vậy tình cảm vợ chồng là không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N xin ly hôn xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét quan điểm của anh Trần Văn T không nhất trí ly hôn nhưng anh T không đưa ra lý do, anh T cũng thừa nhận việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 10/2015 cho đến nay và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên có cơ hội đoàn tụ nhưng đến nay tình cảm vợ chồng anh chị vẫn không được cải thiện. Do vậy việc anh T không nhất trí ly hôn chị là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Trần Văn T có một con chung là cháu Trần Danh Tg, sinh ngày 15/8/2015, kể từ khi vợ chồng ly thân con chung hiện đang do chị N chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn chị N anh T đều thống nhất giao cháu Trần Danh Tg, sinh ngày 15/8/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh T không

phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Thấy việc thỏa thuận của chị N và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định của pháp luật vì vậy được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Trần Thị N và anh Trần Văn T đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1 - Xử ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Trần Văn T.

2- Về con chung: Xử giao cháu Trần Danh Tg, sinh ngày 15/8/2015 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Văn T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000715 ngày 24/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án Tỉnh.
- VKS huyện.
- THA huyện.
- UBND xã N.
- Các đương sự.
- Lưu án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Phạm Văn Chủng